

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 02 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Biên Aï

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1991; Cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1991; Cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị T chung sống với anh H vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống và cãi nhau, mặc dù gia đình thân tộc hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Gia N, sinh ngày 07/11/2009 và Ngô Gia H, sinh ngày 19/10/2013. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Ngô Văn H:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H biết về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh H không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H. Về con chung: Giao hai con chung tên Ngô Gia N và Ngô Gia H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Ngô văn H đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại kết quả xác minh ngày 02/12/2020 của Công an xã TD thể hiện: Anh H là con ruột của ông Ngô Phi H1 cùng hộ khẩu tại số nhà 30, ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau và hiện nay vẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương, quá trình Văn phòng Thừa phát lại Cà Mau tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Huỳnh đều hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống và cãi nhau, mặc dù gia đình thân tộc hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được, chị T xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên xin ly hôn với anh H. Anh Huỳnh không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T nên đủ căn cứ xác định rằng anh không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị T.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ*

chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng... ”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh chị có đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi dưỡng các con của chị T thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Tuy nhiên, tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 25/12/2020, cháu Ngô Gia N và cháu Ngô Gia H đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị T, ngoài ra hai con của anh chị đều là nữ nên cần có mẹ chăm sóc là phù hợp sự phát triển của các con, đồng thời anh H cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao các cháu Gia N và Gia H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật, phù hợp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T xác định không có, anh H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Ngô Văn H.

2. Về con chung: Giao Ngô Gia N, sinh ngày 07/11/2009 và Ngô Gia H, sinh ngày 19/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Thùy T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Ngô Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011214 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Trúc